

Các nhân tố ảnh hưởng đến việc áp dụng chuẩn mực kế toán trong các doanh nghiệp Việt Nam thông qua mô hình SEM

Đặng Ngọc Hùng*

*Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội,
Số 298, đường Cầu Diễn, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội, Việt Nam*

Nhận ngày 27 tháng 7 năm 2017

Chỉnh sửa ngày 25 tháng 10 năm 2017; Chấp nhận đăng ngày 07 tháng 12 năm 2017

Tóm tắt: Bài viết nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến việc áp dụng chuẩn mực kế toán trong các doanh nghiệp Việt Nam. Tác giả sử dụng mô hình phương trình cấu trúc (SEM) sau khi tiến hành kiểm định thang đo Cronbach Alpha và phân tích nhân tố khám phá (EFA), đồng thời kiểm định mối liên hệ giữa mức độ áp dụng chuẩn mực kế toán và lợi ích áp dụng chuẩn mực kế toán. Kết quả nghiên cứu chỉ ra, có 3 nhân tố là đặc điểm của doanh nghiệp, hệ thống văn bản pháp luật, tổ chức tư vấn nghề nghiệp có quan hệ thuận chiều đến việc áp dụng chuẩn mực kế toán, phù hợp với mô hình dự kiến ban đầu. Đồng thời, kết quả kiểm định cho thấy mức độ áp dụng chuẩn mực kế toán có quan hệ thuận chiều với lợi ích áp dụng chuẩn mực kế toán của doanh nghiệp.

Từ khóa: Chuẩn mực kế toán, lợi ích áp dụng chuẩn mực kế toán, mô hình phương trình cấu trúc.

1. Giới thiệu

Từ năm 2001 đến năm 2005, Bộ Tài chính đã ban hành 26 chuẩn mực kế toán, có mức độ hài hòa cao so với chuẩn mực kế toán quốc tế (phiên bản có hiệu lực năm 2003). Tuy nhiên, từ việc ban hành chuẩn mực kế toán đến việc áp dụng chúng trong thực tế gặp nhiều rào cản như hệ thống luật pháp, năng lực của kế toán viên [1]. Ngoài ra, tại Việt Nam, hệ thống văn bản pháp lý về kế toán, bao gồm cả chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán, có sự khác biệt so với các nước trên thế giới.

Trần Đình Khôi Nguyên (2013) chỉ ra, có 4 nhân tố phi tài chính có khả năng ảnh hưởng đến việc áp dụng chuẩn mực kế toán trong các doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV) ở nước ta bao gồm: Năng lực của kế toán viên; tài liệu

hướng dẫn thực hành kế toán; tư vấn từ cộng đồng kế toán; sự quan tâm của chủ doanh nghiệp [2]. Tuy nhiên, nghiên cứu này chưa sử dụng các pháp tích nhân tố khám phá để xác định và kiểm định các nhân tố ảnh hưởng đến việc áp dụng chuẩn mực kế toán.

Thông qua các kết quả nghiên cứu trong nước và trên thế giới, tác giả nhận thấy khoảng trống của các nghiên cứu trước như: (i) Chi tập trung nghiên cứu tác động của các nhân tố tới việc áp dụng chuẩn mực kế toán cho DNNVV, đây cũng là một hạn chế bởi vì các DNNVV có mức độ áp dụng chuẩn mực kế toán thấp [3, 4]; (ii) Thông qua phương pháp EFA đã tìm ra được các nhân tố ảnh hưởng đến việc áp dụng chuẩn mực kế toán, tuy nhiên để kết quả nghiên cứu có ý nghĩa cao hơn thì đòi hỏi các thang đo cần được kiểm định và các nhân tố phải thực hiện phân tích hồi quy; (iii) Chưa kiểm định mối quan hệ giữa lợi ích của doanh nghiệp khi thực hiện áp dụng chuẩn mực kế toán.

*ĐT.: 84-904338474.

Email: hungdangngockt@yahoo.com.vn

<https://doi.org/10.25073/2588-1108/vnueab.4123>

Trên cơ sở nghiên cứu tổng quan, tác giả sử dụng phương pháp nghiên cứu định tính được thực hiện dựa trên phỏng vấn sâu 6 giảng viên là những người có nhiều kinh nghiệm giảng dạy chuẩn mực kế toán của Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân và Trường Đại học Thương mại. Đồng thời, tác giả phỏng vấn sâu 4 chuyên gia là các kiểm toán viên đang làm tại các công ty kiểm toán. Nội dung các cuộc phỏng vấn gồm những nhân tố nào ảnh hưởng đến việc áp dụng chuẩn mực kế toán Việt Nam? Lợi ích của việc áp dụng chuẩn mực kế toán? Những khó khăn và thuận lợi khi áp dụng chuẩn mực kế toán tại các doanh nghiệp? Ảnh hưởng của chế độ kế toán đến việc áp dụng chuẩn mực kế toán? Trên cơ sở kết quả nghiên cứu định tính và kế thừa các nghiên cứu trước, tác giả thiết kế mô hình nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến việc áp dụng chuẩn mực kế toán Việt Nam và lợi ích của việc áp dụng chuẩn mực kế toán. Đồng thời, tác giả xây dựng và kiểm định các thang đo của các nhân tố ảnh hưởng đến việc áp dụng chuẩn mực kế toán trong các doanh nghiệp Việt Nam, từ đó đưa ra khuyến nghị cho thúc đẩy áp dụng chuẩn mực kế toán ở nước ta.

2. Cơ sở lý thuyết và mô hình nghiên cứu

Dựa vào kết quả nghiên cứu của Chow và Wong-Boren (1987), Cooke (1991), Meek và cộng sự (1995), Wallace và Naser (1995) [5], Nguyễn Công Phương (2013) [6], đồng thời dựa trên kết quả nghiên cứu định tính thông qua việc phỏng vấn các chuyên gia, tác giả khái quát các nhân tố ảnh hưởng đến việc áp dụng chuẩn mực kế toán tại các doanh nghiệp Việt Nam như sau:

Hệ thống văn bản pháp luật

Thứ nhất, ở Việt Nam, việc tồn tại song song chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán một mặt thể hiện sự hội nhập của Việt Nam với thông lệ chung của kế toán quốc tế, mặt khác thể hiện sự quản lý thống nhất của Nhà nước về kế toán. Chính các đặc trưng này đã định hình

yếu tố ảnh hưởng đến việc áp dụng chuẩn mực kế toán [6].

Thứ hai, với đặc điểm về quản lý thống nhất của Nhà nước và hệ thống pháp lý mang dáng dấp kiểu đạo luật (code law), việc áp dụng chuẩn mực kế toán ở Việt Nam không thể theo kiểu mô hình Anglo-Saxon với tính linh hoạt cao về nghề nghiệp. Thay vào đó, tính thống nhất trong công tác kế toán sẽ cao, biểu hiện qua việc tồn tại hệ thống tài khoản kế toán thống nhất, biểu mẫu báo cáo tài chính thống nhất.

Thứ ba, nếu quan tâm đến tính thống nhất thì cơ sở văn bản nào để những người làm kế toán áp dụng trong thực tiễn các doanh nghiệp? Chuẩn mực kế toán và thông tư hướng dẫn chuẩn mực, hay chế độ kế toán cho doanh nghiệp? Việc tồn tại đồng thời chế độ kế toán cho doanh nghiệp liệu có ảnh hưởng đến hoạt động triển khai công tác kế toán trong thực tiễn không? Những câu hỏi này dẫn đến nghi vấn về sự kết hợp đồng thời nhiều loại văn bản trong quá trình áp dụng chuẩn mực kế toán tại các doanh nghiệp, khi mà năng lực và trình độ của kế toán viên có những hạn chế nhất định.

Thứ tư, khi áp dụng chuẩn mực kế toán vào thực tiễn, nhiều ý kiến cho rằng nội dung các chuẩn mực còn quá mới mẻ và có quá nhiều khái niệm, thuật ngữ. Kế toán viên chỉ am hiểu và áp dụng trên cơ sở các thông tư hướng dẫn chi tiết trong công tác kế toán. Do vậy, đây được xem là một trong những rào cản ảnh hưởng đến việc áp dụng các chuẩn mực kế toán.

Thứ năm, về sự ảnh hưởng của thuế đối với công tác kế toán, ở Việt Nam, công việc ghi nhận và đo lường kế toán thường dựa trên cơ sở quy định của thuế, dẫn đến không có sự khác biệt giữa lợi nhuận kế toán và thuế. Nhận thức đó đã ăn sâu và tác động rất lớn vào hành vi của kế toán viên, dù những cải cách gần đây đã thay đổi tác động của thuế với kế toán.

Giả thuyết 1: Hệ thống văn bản pháp luật có ảnh hưởng thuận chiều đến mức độ áp dụng chuẩn mực kế toán

Kinh nghiệm và năng lực kế toán viên

Lịch sử phát triển của kế toán các nước cho thấy, sự phát triển của kế toán có liên quan đến mức độ giáo dục và chuyên nghiệp của kế toán

viên [1]. Nghiên cứu ở nhiều nước cho thấy kế toán có trình độ đại học càng nhiều thì khả năng áp dụng các chuẩn mực càng cao. Đây là điều phù hợp vì những kiến thức trong quá trình đào tạo sẽ giúp kế toán viên có nhận thức tốt hơn về khoa học kế toán, có khả năng áp dụng, lựa chọn các kỹ thuật, các chính sách kế toán phù hợp nhất để đa hóa lợi ích của doanh nghiệp.

Giả thuyết 2: Kinh nghiệm và năng lực của kế toán viên có ảnh hưởng thuận chiều đến mức độ áp dụng chuẩn mực kế toán

Tổ chức, tư vấn nghề nghiệp

Thứ nhất, hoạt động nghề nghiệp ở bất cứ nơi nào cũng chịu ảnh hưởng bởi cộng đồng nghề nghiệp mà kế toán không là một ngoại lệ. Khía cạnh cộng đồng kế toán được xem như là một biến thể trong sự tương tác giữa văn hóa với kế toán [7]. Ở các nước theo mô hình Anglo-Saxon, ảnh hưởng của cộng đồng kế toán rất lớn, thể hiện qua sự phát triển của các tổ chức nghề nghiệp đối với nghề kế toán, đặc biệt hiệp hội nghề nghiệp có vai trò quyết định trong việc thiết lập chuẩn mực kế toán.

Thứ hai, đơn vị kiểm toán có ảnh hưởng đáng kể đến việc doanh nghiệp quyết định lựa chọn, áp dụng chuẩn mực kế toán. Nếu một doanh nghiệp được kiểm toán bởi một trong các hãng kiểm toán lớn thì thông thường, doanh nghiệp đó quan tâm nhiều hơn đến việc áp dụng các chuẩn mực kế toán. Từ thực tiễn đó, liên hệ với điều kiện Việt Nam, tác giả cho rằng, nếu báo cáo tài chính của một doanh nghiệp được kiểm toán thì mức độ tuân thủ và áp dụng các chuẩn mực kế toán sẽ cao hơn các doanh nghiệp không yêu cầu bắt buộc kiểm toán.

Giả thuyết 3: Tổ chức, tư vấn nghề nghiệp có ảnh hưởng thuận chiều đến mức độ áp dụng chuẩn mực kế toán

Đặc điểm của doanh nghiệp

Thứ nhất, các chủ doanh nghiệp thường ít sử dụng báo cáo tài chính khi ra quyết định, hoặc nếu có sử dụng thì họ thường quan tâm đến kê khai thuế thu nhập. Ở Việt Nam, các doanh nghiệp cũng chủ yếu quan tâm đến vấn đề kê khai thuế. Điều này nói lên ảnh hưởng

của đặc điểm về nhận thức của chủ doanh nghiệp đến việc áp dụng chuẩn mực kế toán trong các doanh nghiệp Việt Nam.

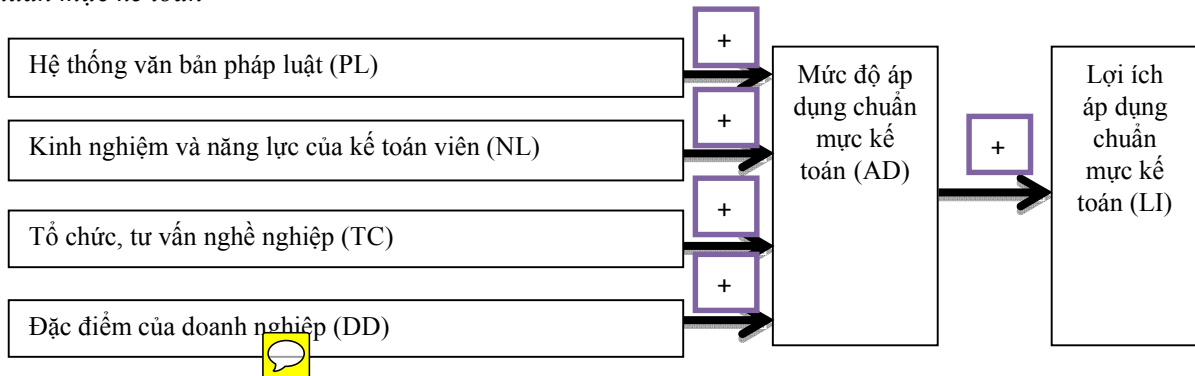
Thứ hai, quy mô được xem là nhân tố ảnh hưởng đáng kể đến việc áp dụng chuẩn mực kế toán [8]. Các doanh nghiệp có quy mô lớn thường hoạt động trên nhiều lĩnh vực khác nhau, mức độ phức tạp của các nghiệp vụ kinh tế rất cao và do vậy việc áp dụng các chuẩn mực kế toán sẽ đầy đủ hơn. Ở một khía cạnh khác, các doanh nghiệp càng lớn thì càng có nhiều nguồn lực tài chính để thực hiện các chuẩn mực kế toán mới. Các doanh nghiệp có quy mô nhỏ hơn lại thấy rằng lợi ích từ việc thực hiện chuẩn mực không đủ bù đắp các nguồn lực bỏ ra để mua phần mềm, thuê tư vấn hay đào tạo nhân viên.

Thứ ba, kết quả hoạt động kinh doanh - theo các nghiên cứu về ảnh hưởng của nhân tố này - cũng không nhất quán. Wallace và Naser (1995) cho rằng các doanh nghiệp có khả năng sinh lời cao thường mở rộng địa bàn kinh doanh, tìm kiếm các nguồn tài trợ để thực hiện các phương án kinh doanh mới. Trong bối cảnh đó, số liệu báo cáo tài chính trung thực và hợp lý luôn là một trong những tiêu chí để các đối tác có thể xem xét trước khi đưa ra các quyết định kinh doanh [5]. Tuy nhiên, Meek và cộng sự (1995) lại cho rằng chưa có những chứng cứ chắc chắn về vấn đề này [8].

Giả thuyết 4: Đặc điểm của doanh nghiệp có ảnh hưởng thuận chiều đến mức độ áp dụng chuẩn mực kế toán

Như vậy, có thể tóm lược có 4 nhân tố ảnh hưởng đến mức độ áp dụng chuẩn mực kế toán tại các doanh nghiệp Việt Nam (Hình 1). Các nhân tố này kết hợp với nhau và ảnh hưởng đến việc áp dụng chuẩn mực kế toán, tác động cuối cùng của việc áp dụng chuẩn mực kế toán là lợi ích của việc áp dụng chuẩn mực kế toán. Lợi ích này được xem xét ở khả năng tiếp cận các khoản tín dụng từ ngân hàng, tính minh bạch của thông tin giúp nâng cao hình ảnh của doanh nghiệp trong cộng đồng kinh doanh và từ đó tạo điều kiện mở rộng hoạt động kinh doanh.

Giả thuyết 5: Mức độ áp dụng chuẩn mực kế toán có ảnh hưởng thuận chiều đến lợi ích áp dụng chuẩn mực kế toán



Hình 1. Mô hình các nhân tố ảnh hưởng đến việc áp dụng chuẩn mực kế toán ở Việt Nam.
Nguồn: Tác giả đề xuất.

3. Phương pháp nghiên cứu

Để thực hiện mục tiêu nghiên cứu, tác giả sử dụng cách tiếp cận suy diễn, tức là dựa vào lý thuyết của các nghiên cứu trước đây và kết quả nghiên cứu định tính thông qua phỏng vấn chuyên gia để xuất mô hình. Đồng thời, tác giả kết hợp với phương pháp quy nạp để kiểm chứng, dựa vào kết quả nghiên cứu định tính sẽ điều chỉnh, bổ sung các biến quan sát vào trong bảng hỏi để thực hiện nghiên cứu định lượng. Kế thừa kết quả nghiên cứu của Trần Đình Khôi Nguyên (2013), đồng thời sử dụng phương pháp nghiên cứu định tính thông qua phỏng vấn các chuyên gia, tác giả xác định có 4 nhân tố ảnh hưởng tới việc áp dụng chuẩn mực kế toán bao gồm: Hệ thống văn bản pháp luật, kinh nghiệm và năng lực kế toán viên, tổ chức tư vấn nghề nghiệp và đặc điểm của doanh nghiệp.

Tiếp theo, tác giả thực hiện khảo sát thông qua bảng hỏi gồm 26 biến quan sát và được đo lường bằng thang đo Likerts 5 điểm, thấp nhất là 1 điểm “ảnh hưởng rất ít” và cao nhất là 5 điểm “ảnh hưởng rất lớn” (Bảng 1). Phương pháp thu thập số liệu được thực hiện thông qua việc khảo sát, đối tượng khảo sát là những người đang làm kế toán, đang theo học chương trình thạc sĩ và liên thông cao đẳng - đại học ngành kế toán tại Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội.

Số mẫu khảo sát phát ra là 375 phiếu, thu về 370 phiếu, sau khi kiểm tra các thông tin trên

các phiếu có 350 phiếu có đầy đủ thông tin để nhập dữ liệu và thực hiện phân tích. Trong số đó có đầy đủ thông tin để nhập dữ liệu và thực hiện phân tích. Các thí nghiệm là nam, chiếm tỷ lệ 4,3%, còn lại 335 kế toán là nữ, chiếm tỷ lệ 95,7%. Cũng trong số đó, có 40 người làm kế toán trưởng chiếm tỷ lệ 11,42%, 98 người làm kế toán tổng hợp chiếm tỷ lệ 28,0% và còn lại 212 người làm kế toán viên các phân hành chiếm tỷ lệ 60,57%.

Tác giả sử dụng phương pháp phân tích EFA bằng phần mềm SPSS và phân tích SEM bằng phần mềm AMOS để xác định mối quan hệ giữa các nhân tố tác động đến mức độ áp dụng chuẩn mực kế toán và lợi ích của việc áp dụng chuẩn mực kế toán.

4. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

4.1. Kiểm định thang đo

Kiểm định thang đo các nhân tố tác động đến mức độ áp dụng chuẩn mực kế toán tại các doanh nghiệp được thực hiện bằng hệ số tin cậy Cronbach's Alpha và phân tích EFA. Bảng 2 cho thấy, các nhân tố đều có hệ số Cronbach's Alpha lớn hơn 0,6; hệ số tương quan biến tổng của các thang đo đều lớn hơn 0,3 nên tất cả các thang đo của các nhân tố đều đạt độ tin cậy, được sử dụng để phân tích EFA.

Bảng 1. Thang đo đánh giá mức độ áp dụng chuẩn mực kế toán

Mã biến	Các biến quan sát
Hệ thống văn bản pháp luật	
PL1	Quy định chế độ kế toán doanh nghiệp
PL2	Thông tư hướng dẫn của chuẩn mực kế toán
PL3	Hoàn toàn dựa vào chuẩn mực kế toán
PL4	Yêu cầu, quy định về chế độ thuế, tài chính
PL5	Tính phức tạp của chuẩn mực kế toán
Kinh nghiệm và năng lực kế toán viên	
NL1	Trình độ của kế toán viên trong bộ phận kế toán
NL2	Kinh nghiệm của kế toán viên trong bộ phận kế toán
NL3	Năng lực của kế toán viên trong bộ phận kế toán
NL4	Vai trò của kế toán trưởng
Tổ chức, tư vấn nghề nghiệp	
TC1	Ý kiến tư vấn của các công ty kiểm toán
TC2	Tư vấn của bộ phận tuyên truyền - cơ quan thuế
TC3	Tư vấn của bạn bè trong lĩnh vực kế toán, thuế
TC4	Các kết luận của các cơ quan thanh tra, kiểm tra
TC5	Các tổ chức nghề nghiệp kế toán, kiểm toán
Đặc điểm của doanh nghiệp	
DN1	Quy mô của doanh nghiệp
DN2	Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp
DN3	Sự quan tâm của chủ doanh nghiệp về công việc kế toán đối với hoạt động kinh doanh
DN4	Cơ sở vật chất, hệ thống thông tin của doanh nghiệp
Mức độ áp dụng chuẩn mực kế toán	
AD1	Doanh nghiệp đã áp dụng chuẩn mực kế toán là do hệ thống pháp luật
AD2	Doanh nghiệp đã áp dụng chuẩn mực kế toán là do kinh nghiệm và năng lực của kế toán, kiểm toán viên
AD3	Doanh nghiệp đã áp dụng chuẩn mực kế toán là do trợ giúp của các tổ chức tư vấn
AD4	Doanh nghiệp đã áp dụng chuẩn mực kế toán là do đặc điểm của doanh nghiệp
Lợi ích áp dụng chuẩn mực kế toán	
LI1	Hệ thống kế toán của doanh nghiệp minh bạch, hiệu quả
LI2	Tăng khả năng sinh lời của doanh nghiệp
LI3	Doanh nghiệp dễ tiếp cận với các nguồn vốn
LI4	Doanh nghiệp dễ thu hút vốn đầu tư

Nguồn: Tác giả đề xuất.

Phân tích EFA được thực hiện với phương pháp trích hệ số là Component Analysis và phép xoay Varimax, kết quả phân tích có 16 biến quan sát của thang đo các biến độc lập tại Bảng 3, đạt được kiểm định KMO = 0,828, kiểm định Bartlett's Test có Sig. = 0,000; số lượng các nhân tố trích được là 4, tương đồng

với mô hình lý thuyết ban đầu xây dựng, tổng phương sai trích đạt 55,391%, trọng số các nhân tố đều lớn hơn 0,5. Như vậy, phân tích EFA thích hợp với các dữ liệu và các biến quan sát có tương quan với nhau trong tổng thể, nên được sử dụng cho phân tích tiếp theo.

Bảng 2. Kết quả hệ số Cronbach's Alpha của các thang đo

Thang đo	Số biến quan sát		Cronbach's Alpha	Hệ số tương quan biến tổng nhỏ nhất
	Trước	Sau		
Hệ thống văn bản pháp luật	5	5	0,720	0,375
Kinh nghiệm, năng lực kế toán viên	4	4	0,697	0,382
Tổ chức, tư vấn nghề nghiệp	5	5	0,731	0,424
Đặc điểm của doanh nghiệp	4	4	0,684	0,399
Mức độ áp dụng chuẩn mực kế toán	4	4	0,654	0,405
Lợi ích áp dụng chuẩn mực kế toán	4	4	0,770	0,477

Nguồn: Kết quả phân tích từ phần mềm SPSS 20.

Bảng 3. Phân tích nhân tố EFA của các biến độc lập

Biến quan sát	Nhân tố sau khi phân tích khám phá (EFA)	Hệ số tải nhân tố của các thành phần			
		1	2	3	4
DD2	Đặc điểm của doanh nghiệp (DD)	,736			
NL4		,646			
DD4		,644			
DD1		,613			
DD3		,602			
TC3	Tổ chức, tư vấn nghề nghiệp (TC)		,756		
TC2			,728		
TC1			,718		
TC5			,531		
PL2	Hệ thống văn bản pháp luật (PL)			,799	
PL3				,706	
PL1				,704	
PL5				,547	
NL3	Kinh nghiệm và năng lực của kế toán viên (NL)				,787
NL2					,745
NL1					,698
Initial Eigenvalues		4,626	1,696	1,438	1,102
% của phương sai		28,914	10,599	8,989	6,888

Nguồn: Kết quả phân tích từ phần mềm SPSS 20.

Thực hiện phân tích EFA của biến phụ thuộc “Mức độ áp dụng chuẩn mực kế toán”, sau khi loại biến quan sát AD4 (Doanh nghiệp đã áp dụng chuẩn mực kế toán là do đặc điểm của doanh nghiệp), thì hệ số KMO = 0,628, và kiểm định Bartlett's Test có Sig. = 0,000 thích hợp với các dữ liệu, các biến có tương quan với nhau trong tổng thể. Hệ số tải nhân tố của các biến thang đo mức độ áp dụng chuẩn mực kế

toán đều lớn hơn 0,5; giá trị Eigenvalues là 1,680 và phương sai trích 55,99%.

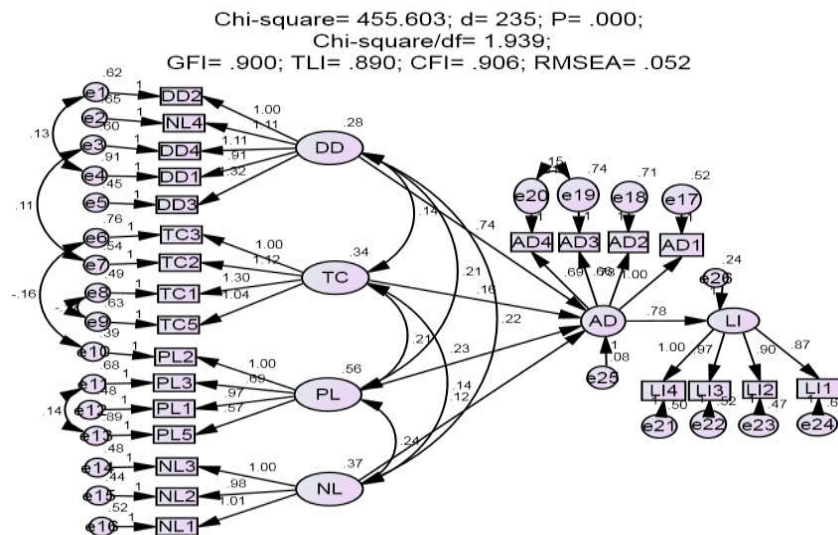
Thực hiện phân tích EFA của biến “Lợi ích áp dụng chuẩn mực kế toán”, có hệ số KMO = 0,774, kiểm định Bartlett's Test có Sig. = 0,000 thích hợp với các dữ liệu, các biến có tương quan với nhau trong tổng thể. Hệ số tải nhân tố của các biến thang đo mức độ áp dụng chuẩn mực kế toán đều lớn hơn 0,5; giá trị

Eigenvalues là 2,376 và phương sai trích 59,4%, như vậy các thang đo khái niệm được chấp nhận và đảm bảo độ tin cậy, được sử dụng phân tích hồi quy. Mô hình nghiên cứu được điều chỉnh sau khi thực hiện phân tích EFA.

4.2. Phân tích mô hình phương trình cấu trúc dựa trên phân tích đường dẫn

Dựa trên các giả thuyết đã được xây dựng, kết hợp với mối quan hệ tương quan giữa các nhân tố tác động đến mức độ áp dụng chuẩn mực kế toán đã được xác định trong mô hình 1, mô hình SEM dựa trên phân tích đường dẫn được xây dựng. Kết quả phân tích từ phần mềm AMOS thể hiện ở Hình 2.

Kết quả mô hình SEM cho thấy mô hình lý thuyết với các chỉ số Chi-square = 455,603, $d = 235$, $P = 0,000$, Chi-square/df = 1,939, GFI = 0,900, TLI = 0,890, CFI = 0,906, RMSEA = 0,052 phù hợp với dữ liệu nghiên cứu. Hình 2 cho thấy, các chỉ số đánh giá về mức độ phù hợp của mô hình tốt và các chỉ tiêu đánh giá mức độ phù hợp của mô hình ở mức chấp nhận. Vì vậy, có thể kết luận mô hình hoàn toàn phù hợp với dữ liệu nghiên cứu và phản ánh các nhân tố tác động đến mức độ áp dụng chuẩn mực kế toán và lợi ích áp dụng chuẩn mực kế toán.



Hình 2. Mô hình các nhân tố ảnh hưởng đến mức độ áp dụng chuẩn mực kế toán và lợi ích của việc áp dụng chuẩn mực (đã chuẩn hóa).

Nguồn: Kết quả phân tích từ phần mềm AMOS.

Bảng 4. Ước lượng đã chuẩn hóa

Giả thuyết		Ước lượng	S.E.	C.R.	P-value	Kết luận giả thuyết	
Mức độ áp dụng chuẩn mực kế toán (AD)	<---	Đặc điểm của doanh nghiệp (DD)	0,744	0,147	5,061	***	Chấp nhận
Mức độ áp dụng chuẩn mực kế toán (AD)	<---	Tổ chức tư vấn nghề nghiệp (TC)	0,157	0,080	1,967	0,049	Chấp nhận
Mức độ áp dụng chuẩn mực kế toán (AD)	<---	Hệ thống văn bản pháp luật (PL)	0,228	0,071	3,208	0,001	Chấp nhận

Mức độ áp dụng chuẩn mực kế toán (AD)	<---	Kinh nghiệm và năng lực của kế toán viên (NL)	0,115	0,108	1,072	0,284	Bác bỏ
Lợi ích áp dụng chuẩn mực kế toán (LI)	<---	Mức độ áp dụng chuẩn mực kế toán (AD)	0,780	0,087	8,963	***	Chấp nhận

Nguồn: Kết quả phân tích từ phần mềm AMOS.

Kết quả Bảng 4 chỉ ra có 3 nhân tố ảnh hưởng đến mức độ áp dụng chuẩn mực kế toán là đặc điểm của doanh nghiệp, tổ chức tư vấn nghề nghiệp, hệ thống văn bản pháp luật, như vậy các giả thuyết 1, 3 và 4 được chấp nhận. Nhân tố năng lực, kinh nghiệm của kế toán viên không ảnh hưởng đến mức độ áp dụng chuẩn mực kế toán, giả thuyết 2 bị bác bỏ.

4.3. Thảo luận kết quả nghiên cứu

Đặc điểm của doanh nghiệp: Nhân tố này có ảnh hưởng đến mức độ áp dụng chuẩn mực kế toán, kết quả này phù hợp với nghiên cứu của Chow và Wong-Boren (1987), Cooke (1989), Meek và cộng sự (1995), khi các nghiên cứu này đều chỉ ra quy mô của doanh nghiệp có ảnh hưởng đến mức độ áp dụng chuẩn mực kế toán. Đồng thời, kết quả hoạt động kinh doanh cũng ảnh hưởng đến việc thực hiện chuẩn mực kế toán, phù hợp với nghiên cứu của Wallace và Naser (1995).

Tổ chức tư vấn nghề nghiệp: Nhân tố này có tác động thuận chiều đến mức độ áp dụng chuẩn mực kế toán ở Việt Nam, kết quả này phù hợp với nghiên cứu Trần Đình Khôi Nguyên (2013). Điều này cho thấy vai trò của các tổ chức nghề nghiệp như công ty kiểm toán, các đại lý thuế và các công ty dịch vụ kế toán trong việc hỗ trợ các doanh nghiệp áp dụng chuẩn mực kế toán trên thực tế.

Hệ thống văn bản pháp luật: Nhân tố này có ảnh hưởng đến việc áp dụng chuẩn mực kế toán, như vậy kết quả này phù hợp với nghiên cứu của Nguyễn Công Phương (2013). Nhân tố này có sự khác biệt với các nước trên thế giới là do ở Việt Nam tồn tại song song chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán.

Kinh nghiệm và năng lực của kế toán viên: Nhân tố này không tác động đến mức độ áp dụng chuẩn mực kế toán ở Việt Nam, kết quả

không đồng thuận với nghiên cứu của Choi và Meek (2011), Trần Đình Khôi Nguyên (2013).

Áp dụng chuẩn mực kế toán: Khi doanh nghiệp áp dụng các chuẩn mực kế toán cũng sẽ đem lại lợi ích cho doanh nghiệp, ở đây giả thuyết 5 được chấp nhận. Như vậy, khi doanh nghiệp tuân thủ đầy đủ các chuẩn mực kế toán thì sẽ làm cho báo cáo đảm bảo tính trung thực, hợp lý, tạo sự tin tưởng cho người sử dụng thông tin như nhà đầu tư, chủ nợ và về lâu dài sẽ đem lại lợi ích cho doanh nghiệp.

5. Kết luận và khuyến nghị

Dựa vào kết quả của mô hình hồi quy theo mô hình SEM, nghiên cứu tìm thấy sự tác động thuận chiều, có ý nghĩa thống kê gồm ba nhân tố tổ chức tư vấn nghề nghiệp, hệ thống pháp luật và đặc điểm của doanh nghiệp ảnh hưởng đến mức độ áp dụng chuẩn mực kế toán. Đồng thời, nghiên cứu đã kiểm định có ý nghĩa thống kê giữa mức độ áp dụng chuẩn mực kế toán và lợi ích áp dụng chuẩn mực kế toán. Do đó, tác giả đề xuất một số khuyến nghị như sau:

Thứ nhất, ở Việt Nam tồn tại song song hệ thống chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán trong thực tế công tác kế toán ở các doanh nghiệp, vì vậy trong quá trình Bộ Tài chính biên soạn và ban hành chế độ kế toán, các nội dung của chế độ kế toán cần được lồng ghép, tham chiếu đến từng chuẩn mực kế toán.

Thứ hai, vai trò của cộng đồng nghề nghiệp cũng là một nhân tố cần xem xét trong quá trình phát triển kế toán ở nước ta. Việc phát triển các tổ chức nghề nghiệp là một cơ hội để những người làm kế toán có thể trao đổi, học hỏi và đó cũng là môi trường phát hiện những bất cập trong thiết lập chuẩn mực kế toán. Bộ Tài chính cần có cơ chế chính sách giúp các hiệp hội nghề nghiệp phát triển.

Thứ ba, ở góc độ doanh nghiệp, chủ doanh nghiệp sẽ phải thay đổi cách nhìn nhận của mình về vai trò của thông tin kế toán để có thể tác động đến việc áp dụng chuẩn mực kế toán. Doanh nghiệp cần mở rộng quy mô, nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh để có đủ nguồn lực nhằm áp dụng đầy đủ các chuẩn mực kế toán, đồng thời việc áp dụng chuẩn mực kế toán đầy đủ sẽ giúp doanh nghiệp quản lý tốt nguồn tài chính, tăng khả năng tiếp cận nguồn vốn với chi phí thấp và tạo được uy tín đối với các nhà đầu tư, chủ nợ và khách hàng.

Tài liệu tham khảo

- [1] Choi, F.D., & Meek, G.K., International Accounting, 7th ed., Prentice Hall, New York, 2011.
- [2] Trần Đình Khôi Nguyễn, “Bàn về thang đo các nhân tố phi tài chính ảnh hưởng vận dụng chuẩn mực kế toán trong các doanh nghiệp nhỏ và vừa ở Việt Nam”, Tạp chí Kinh tế & Phát triển, 190 (2013) 1, 55-60.
- [3] Chow, C.W., & Wong-Boren, “Voluntary financial disclosure by Mexican corporations”, The Accounting Review, 62 (1987) 3, 533-541.
- [4] Cooke, T., “Disclosure in the corporate annual reports of Swedish companies”, Accounting and Business Research, 19 (1991) 74, 113-124.
- [5] Wallace, R. & Naser, K., “Firm-specific determinants of the comprehensiveness of mandatory disclosure in the corporate annual reports of firms listed on the stock exchange of Hong Kong”, Journal of Accounting and Public Policy, 14 (1995) 4, 311-368.
- [6] Nguyễn Công Phương, “Về mô hình chuẩn mực - chế độ kế toán của Việt Nam”, Tạp chí Kinh tế & Phát triển, 194 (2013) 1, 31-37.
- [7] Gray, S. J., “Towards a theory of cultural influence on the development of accounting systems internationally”, Abacus, 24 (1988) 1, 1-15.
- [8] Meek, G.K., Roberts, C.B., & Gray, S.J., “Factors influencing voluntary annual report disclosures by U.S., U.K. and Continental European multi-national corporations”, Journal of International Business Studies, 26 (1995) 1, 555-572.

Studying the Factors that Affect the Application of Accounting Standards in Vietnam via SEM Model

Dang Ngoc Hung

*Hanoi University of Industry,
No. 298, Cau Dien Str., Bac Tu Liem Dist., Hanoi, Vietnam*

Abstract: The factors that affect the application of accounting standards in Vietnam are researched. The Structural Equation Modeling is used after the Cronbach Alpha scales have been verified and the exploratory factors have been analyzed. The research tests relationship between levels and benefits of the applied accounting standards. The research has found that there are 3 factors including characteristics of enterprises, legal system, professional consulting organizations that have a positive relation with the application of accounting standards. It is also indicated that the level of the applied accounting standards has a positive relation with the benefits of the applied accounting standards.

Keywords: Accounting standard, benefits of applied accounting standards, structural equation modeling.